

Bản án số: 247/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/12/2025  
V/v Xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – A**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pho.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Minh Thông.  
2. Ông Trần Văn Trọng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tâm là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – A.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – A tham gia phiên tòa:**  
Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc: “Xin ly hôn và nuôi con” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 202/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị U**, sinh ngày 01/01/1976. Địa chỉ: Tổ 40, ấp Cur Xá Mới, xã Kiên Lương, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn H**, sinh ngày 01/01/1975. Địa chỉ: Tổ 40, ấp Cur Xá, xã Kiên Lương, tỉnh A.

(Chị U có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Bùi Thị U trình bày:**

Bà Bùi Thị U và ông Đoàn Văn H chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép Nng không có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay sung khắc, cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm Nng không được. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể dung H. Vì vậy bà U xin được ly hôn với ông Đoàn Văn Hoà.

Về con chung: Có 2 con chung tên Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 22/5/2005, giới tính nữ và Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 16/02/2009, giới tính nam. Cháu Đoàn Quốc Đ lựa chọn sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu Đoàn Thị Bích N đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**- Tại bản tự khai bị đơn ông Đoàn Văn H trình bày:**

Ông Hoà thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị U về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung và nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng.

Về hôn nhân: Ông Hoà đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị U.

Về con chung: Đồng ý nhận nuôi cháu Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 16/02/2009, giới tính nam đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà U cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Cháu Đoàn Thị Bích N đã trưởng thành, khoẻ mạnh nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Đoàn Văn H, có nơi cư trú tại: Tổ 40, ấp Cur Xá, xã Kiên Lương, tỉnh A. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – A. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy Đ tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị U và ông Đoàn Văn H chung sống với nhau từ năm 2004 Nng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy Đ của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông bà đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy Đ: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy Đ của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy Đ tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”. Ông, bà là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy Đ của Luật Hôn nhân và gia đình Nng chung sống với nhau N vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy Đ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy Đ: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy Đ của Luật này chung sống với nhau N vợ chồng mà không đăng ký

*kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy Đ tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này... ”. Tuy bà U, ông H thuận tình ly hôn Nng xét thấy hôn nhân giữa ông bà không có đăng ký kết hôn, nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà U, ông H theo quy Đ tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy Đ: “1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy Đ của pháp luật về tổ tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy Đ tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy Đ tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Thị Bích N, sinh ngày 22/5/2005, giới tính nữ và cháu Đoàn Quốc Đ, sinh ngày 16/02/2009, giới tính nam. Ông H xin nuôi cháu Đ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng, bà U đồng ý giao con cho ông H, cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với ông H. Vì vậy giao cháu Đ cho ông H nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu bà U cấp dưỡng nên ghi nhận. Cháu Đoàn Thị Bích N đã trưởng thành, khoẻ mạnh không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do bà U có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

***Vì caùc leõ treân,***

### **QUYẾT Đ:**

#### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị U và ông Đoàn Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Đoàn Quốc Đ cho ông Đoàn Văn H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông H không yêu cầu bà U cấp dưỡng nên ghi nhận. Cháu Đoàn Thị Bích N đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không xem xét.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Bùi Thị U phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0007153 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A, nên bà U không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Đoàn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy Đ của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- VKSND khu vực 8 – A;
- Phòng THADS khu vực 8 – A;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Pho**